TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VINH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15/01/2021.
Về tranh chấp "Hôn nhân&gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hà Thị Thanh Hương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Đấu và Bà Phạm Thị Tố Tâm.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai An - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh: Bà Võ Thị Kiều Trang - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 608/2020/TLST–HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1979.

ĐKHKTT: Xóm 5, xã N, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm: 1982.

ĐKHKTT: Xóm Đ, xã H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố N, tỉnh K. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn đề ngày 12/10/2020, bản tự khai và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Hoàng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 17/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được ba tháng, sau ba tháng anh T sang Trung Quốc làm ăn, sau đó về nước anh T vào Sài Gòn làm ăn đến tháng 3 năm 2018 vợ chồng không liên lạc với nhau nữa, vợ chồng không còn quan tâm, không có trách nhiệm với nhau. Hiện nay anh Nguyễn Hoàng T đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố N, tỉnh K. Đến nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không

đạt, vợ chồng không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hoàng T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Nguyễn Hoàng T không có con chung.

Về tài sản: Chị Phạm Thị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung và không có khoản nợ chung nào. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/12/2020 tại nhà tạm giữ Công an thành phố N thì anh Nguyễn Hoàng T trình bày: Anh và chị Phạm Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An vào năm 2017. Thời gian đầu chung sống vợ chồng sống hạnh phúc. Sau khi kết hôn được 03 (ba) tháng thì anh sang Trung Quốc làm ăn rồi sau đó quay về nước và tiếp tục vào Sài Gòn làm ăn. Đến khoảng tháng 3/2018 anh cảm thấy vợ chồng ít liên lạc và xa cách nhau. Hiện nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống Anh và chị Phạm Thị T không có con chung.

Về tài sản: Anh T trình bày anh và chị T quá trình chung sống không có sản chung và không có khoản nợ chung nào. Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: - Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS; việc thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 BLTTDS; xác định đúng tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS. Do anh Nguyễn Hoàng T hiện nay đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố N và tại Biên bản lấy lời khai anh T xin được xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo các điều 227, 228 BLTTDS là có cơ sở. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đương sự đã chấp hành đúng quy định cú pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Về tình cảm: Cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hoàng T. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Đây là vụ án về tranh chấp hôn nhân và đình, bị đơn là anh Nguyễn Hoàng T hiện có Hộ khẩu thường trú tại Xóm Đ, xã H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An nên căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vinh.

[1.2]. Về việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Sau khi Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Nguyễn Hoàng T theo đúng quy định tại các Điều 196, 208, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng do anh Nguyễn Hoàng T đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố N, tỉnh K nên không thể tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T đã có đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T kết hôn với anh Nguyễn Hoàng T trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 17/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét quá trình chung sống chị T và anh T đều thừa nhận: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì anh T đi làm ăn ở Trung Quốc sau đó về nước anh T tiếp tục vào Sài Gòn sinh sống và làm việc. Từ tháng 3 năm 2018 vợ chồng không liên lạc, không còn quan tâm và có trách nhiệm với nhau nữa. Tình trạng vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có sự gắn kết và hiện nay anh T đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố N, tỉnh K. Như vậy, có thể khẳng định cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh T trên thực tế không còn tồn tại, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp pháp luật và anh T cũng đồng ý ly hôn nên cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh T.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Hoàng T không có con chung nên miễn xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Hoàng T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.4]. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 97, Điều 147, khoản 2 Điều 207, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về Hôn nhân: Cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hoàng T.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AA/2020/0001048 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An; Anh Nguyễn Hoàng T có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDTP Vinh;
- Chi cục THA dân sự TP Vinh;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã N;
(Đăng ký kết hôn ngày 17/5/2017);
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Thanh Hương